



**KPMG'S COPY**

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2023



**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận**

**Đăng ký Doanh nghiệp số**

4103004305

ngày 6 tháng 2 năm 2006

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0300545501 ngày 30 tháng 11 năm 2021. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông La Văn Út

Chủ tịch

Ông Trương Văn Minh

Ủy viên

Ông Bùi Hồng Dũng

Ủy viên

Ông Nguyễn Quang Cường

Ủy viên

Bà Phạm Lý Trang Khanh

Ủy viên

Ông Lê Minh Ngọc

Ủy viên

Ông Nguyễn Chí Nam

Ủy viên

**Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Quang Cường

Tổng Giám đốc

Bà Phạm Lý Trang Khanh

Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Quang Chiến

Phó Tổng Giám đốc

Ông Bùi Hồng Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Ông Đỗ Quang Minh

Phó Tổng Giám đốc

Bà Văn Thị Hồng Phượng

Phó Tổng Giám đốc

**Ban Kiểm soát**

Ông Nguyễn Thanh Tuyên

Trưởng Ban Kiểm soát

*(từ ngày 20 tháng 4 năm 2023)*

Ông Nguyễn Tiến Dũng

Trưởng Ban Kiểm soát

*(đến ngày 20 tháng 4 năm 2023)*

Bà Nguyễn Thị Thu

Thành viên Ban Kiểm soát

*(từ ngày 20 tháng 4 năm 2023)*

Bà Phạm Thúy Hà

Thành viên Ban Kiểm soát

*(đến ngày 20 tháng 4 năm 2023)*

Ông Phạm Văn Trung

Thành viên Ban Kiểm soát

**Trụ sở đăng ký**

236/106/1A Điện Biên Phủ  
Phường 17, Quận Bình Thạnh  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 44 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty và các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Nguyễn Quang Cường  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2023



KPMG Limited  
46th Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 28 tháng 8 năm 2023, được trình bày từ trang 5 đến trang 44.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



## Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 23-01-00344-23-2



Trương Vinh Phúc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số 1901-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hà Nội, 28-08-2023

Trương Tuyết Mai

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số 2594-2019-007-1



**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2023**

**Mẫu B 01a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2023 VND</b>	<b>1/1/2023 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>815.896.085.072</b>	<b>753.729.905.015</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>9</b>	<b>628.233.374.725</b>	<b>530.996.020.412</b>
Tiền	111		58.233.374.725	40.996.020.412
Các khoản tương đương tiền	112		570.000.000.000	490.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>94.408.602.806</b>	<b>112.512.427.714</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	68.731.666.388	92.068.268.196
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	11	5.049.390.847	719.368.226
Phải thu ngắn hạn khác	136	12	20.744.220.301	19.808.130.385
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(116.674.730)	(83.339.093)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>13</b>	<b>92.162.243.693</b>	<b>101.480.534.844</b>
Hàng tồn kho	141		92.162.243.693	101.480.534.844
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.091.863.848</b>	<b>8.740.922.045</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.091.863.848	1.146.881.932
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	7.594.040.113
<b>Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>804.090.752.099</b>	<b>938.736.307.689</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>233.500.000</b>	<b>233.500.000</b>
Phải thu dài hạn khác	216		233.500.000	233.500.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>781.780.209.940</b>	<b>911.649.310.137</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	14	759.352.772.429	888.915.370.380
<i>Nguyên giá</i>	222		4.271.533.504.674	4.270.039.391.401
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(3.512.180.732.245)	(3.381.124.021.021)
Tài sản cố định vô hình	227	15	22.427.437.511	22.733.939.757
<i>Nguyên giá</i>	228		28.250.980.211	28.250.980.211
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(5.823.542.700)	(5.517.040.454)
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>16</b>	<b>11.471.302.699</b>	<b>17.441.871.940</b>
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		64.500.000.000	64.500.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(53.028.697.301)	(47.058.128.060)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>10.605.739.460</b>	<b>9.411.625.612</b>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	35(c)	10.605.739.460	9.411.625.612
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.619.986.837.171</b>	<b>1.692.466.212.704</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>531.486.522.699</b>	<b>541.268.264.994</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>280.235.094.480</b>	<b>253.803.478.994</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	31.565.568.275	35.633.722.313
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		111.700.525	111.606.461
Thuế phải nộp Nhà nước	313	18	18.206.981.674	10.276.778.291
Phải trả người lao động	314		30.431.327.803	40.950.157.093
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	6.121.172.212	4.055.555.354
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	1.127.125.854
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	32.779.486.937	34.464.251.937
Vay ngắn hạn	320	21(a)	72.385.712.625	80.874.148.000
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	22	62.558.065.041	33.472.650.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	23	26.075.079.388	12.837.483.691
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>251.251.428.219</b>	<b>287.464.786.000</b>
Vay dài hạn	338	21(b)	251.251.428.219	287.464.786.000
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>1.088.500.314.472</b>	<b>1.151.197.947.710</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>24</b>	<b>1.088.500.314.472</b>	<b>1.151.197.947.710</b>
Vốn cổ phần	411	25	798.666.660.000	798.666.660.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		798.666.660.000	798.666.660.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	24	123.257.066	123.257.066
Quỹ đầu tư phát triển	418		213.491.855.223	213.491.855.223
Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	421		76.218.542.183	138.916.175.421
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		56.385.341.924	65.568.134.914
- LNST chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		19.833.200.259	73.348.040.507
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.619.986.837.171</b>	<b>1.692.466.212.704</b>

Ngày 28 tháng 8 năm 2023

Người lập:



Phan Nhân Tri  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Trọng Nghĩa  
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Cường  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

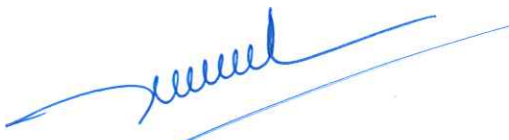
**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023**

**Mẫu B 02a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2023 VND	30/6/2022 VND Điều chỉnh lại
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>8</b>	<b>536.018.106.131</b>	<b>519.392.622.473</b>
<b>Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ</b>	<b>11</b>		<b>465.780.911.627</b>	<b>472.058.844.077</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>70.237.194.504</b>	<b>47.333.778.396</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	17.310.787.926	9.450.744.928
Chi phí tài chính	22	29	19.488.923.511	16.384.615.545
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>13.242.219.990</i>	<i>12.445.180.380</i>
Chi phí bán hàng	25		468.993.906	901.324.708
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	41.418.431.194	33.983.448.481
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b> <b>{30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>26.171.633.819</b>	<b>5.515.134.590</b>
Thu nhập khác	31	31	941.237.199	4.500.637.115
Chi phí khác	32	32	573.838.092	2.859.891.741
<b>Kết quả từ các hoạt động khác</b> <b>(40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>367.399.107</b>	<b>1.640.745.374</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b> <b>(50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>26.539.032.926</b>	<b>7.155.879.964</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>34</b>	<b>7.899.946.515</b>	<b>2.649.129.156</b>
<b>(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>34</b>	<b>(1.194.113.848)</b>	<b>81.240.000</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b> <b>(60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>19.833.200.259</b>	<b>4.425.510.808</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>35</b>	<b>185</b>	<b>55</b>

Ngày 28 tháng 8 năm 2023

Người lập:



Phan Nhân Tri  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Trọng Nghĩa  
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Cường  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này



**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>26.539.032.926</b>	<b>7.155.879.964</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao	02		131.800.000.197	126.783.108.956
Các khoản dự phòng	03		56.268.754.878	30.367.259.246
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(18.311.061)	3.280.864.560
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(16.646.357.126)	(8.374.385.455)
Chi phí lãi vay	06		13.242.219.990	12.445.180.380
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>211.185.339.804</b>	<b>171.657.907.651</b>
Biến động các khoản phải thu	09		25.668.703.906	(62.573.613.708)
Biến động hàng tồn kho	10		9.318.291.151	(34.379.144.474)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(32.094.769.109)	(24.155.239.280)
Biến động chi phí trả trước	12		55.018.084	696.482.567
			<b>214.132.583.836</b>	<b>51.246.392.756</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(13.488.826.264)	(10.527.565.045)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(5.889.236.604)	(23.937.091.977)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(4.133.505.000)	(4.722.575.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>190.621.015.968</b>	<b>12.059.160.734</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(1.930.900.000)	(192.697.769.017)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		199.727.273	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		16.446.629.853	6.769.412.852
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>14.715.457.126</b>	<b>(185.928.356.165)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023  
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày			
		30/6/2023 VND	30/6/2022 VND		
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>					
	Tiền thu từ tái phát hành cổ phiếu quỹ	32	-	11.918.826.733	
	Tiền thu từ đi vay	33	-	153.630.862.098	
	Tiền trả nợ gốc vay	34	(44.390.252.763)	(81.165.018.597)	
	Tiền trả cổ tức	36	(63.709.240.800)	(30.456.797.200)	
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(108.099.493.563)</b>	<b>53.927.873.034</b>	
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>97.236.979.531</b>	<b>(119.941.322.397)</b>	
	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>530.996.020.412</b>	<b>566.310.617.349</b>	
	<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>374.782</b>	<b>29.705.594</b>	
	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>9</b>	<b>628.233.374.725</b>	<b>446.399.000.546</b>

Ngày 28 tháng 8 năm 2023

Người lập:



Phan Nhân Tri  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Trọng Nghĩa  
Kế toán trưởng

Nguyễn Quang Cường  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2023**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco (“Công ty”) được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước – Công ty Vận tải Xăng dầu Vitaco theo Quyết định số 2585/QĐ-BTM ngày 27 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương). Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 bao gồm Công ty và các công ty con.

**(b) Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty và các công ty con là kinh doanh vận tải xăng dầu đường biển và dịch vụ hàng hải.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

**(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có 2 công ty con (1/1/2023: 2 công ty con), chi tiết như sau:

Tên	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu	
		30/6/2023	1/1/2023
Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn	Kinh doanh vận tải xăng dầu đường biển và dịch vụ hàng hải	100%	100%
Công ty TNHH MTV Vitaco Đà Nẵng	Kinh doanh vận tải xăng dầu đường biển và dịch vụ hàng hải	100%	100%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty và các công ty con có 548 nhân viên (1/1/2023: 559 nhân viên).

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6.

### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và đơn vị tiền tệ trình bày báo cáo**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

## **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.



**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(a) Cơ sở hợp nhất**

**(i) Công ty con**

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

**(ii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư trong nội bộ Công ty và các công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty và/hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(d) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty và các công ty con có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(e) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(g) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo dưỡng thường xuyên được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	37 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 5 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 15 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 7 năm

**(h) Tài sản cố định vô hình**

**Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn sử dụng đất trong vòng 43 năm. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không được khấu hao.

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(i) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Công ty và các công ty con không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(k) Dự phòng**

Trừ những khoản dự phòng được đề cập ở các chính sách kế toán khác, một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

***Dự phòng chi phí sửa chữa lớn***

Theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Công ty và các công ty con thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định là các tàu vận tải đường biển dựa trên chu kỳ sửa chữa lên đà là 2 – 2,5 năm/lần. Số dự phòng chi phí sửa chữa lớn được xác định theo dự toán chi phí sửa chữa lớn theo kế hoạch đã được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt đối với các tàu phải thực hiện sửa chữa lớn trong chu kỳ tiếp theo.

**(l) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(m) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(n) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

**(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(iv) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính.



**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(o) Các khoản thanh toán tiền thuê**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(p) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(q) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu. Trong năm, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

**(r) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty và các công ty con là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

**(s) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ - Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex, công ty mẹ cấp cao nhất - Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam và các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(t) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ trước.

**4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh**

Công ty và công ty con không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

**5. Các thay đổi trong ước tính kế toán**

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Giám đốc Công ty thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023, không có sự thay đổi trọng yếu nào về các ước tính kế toán so với các ước tính đã được thực hiện trong báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

**6. Các khoản mục bất thường**

Công ty và công ty con không có khoản mục bất thường nào phát sinh trong kỳ báo cáo giữa niên độ này.

**7. Các thay đổi trong cơ cấu đơn vị**

Công ty và các công ty con không có thay đổi đáng kể nào trong cơ cấu trong kỳ báo cáo giữa niên độ này.

**8. Báo cáo bộ phận**

**(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh**

Công ty và các công ty con gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Bộ phận kinh doanh vận tải: Vận tải xăng dầu
- Bộ phận kinh doanh thương mại: Mua bán xăng dầu
- Bộ phận khác: các hoạt động khác của Công ty và các công ty con.

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023**

	<b>Vận tải VND</b>	<b>Thương mại VND</b>	<b>Các hoạt động khác VND</b>	<b>Loại trừ VND</b>	<b>Hợp nhất VND</b>
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	510.766.928.322	8.275.605.830	16.975.571.979	-	536.018.106.131
Doanh thu giữa các bộ phận	-	4.451.755.336	4.156.040.697	(8.607.796.033)	-
<b>Tổng doanh thu của bộ phận</b>	<b>510.766.928.322</b>	<b>12.727.361.166</b>	<b>21.131.612.676</b>	<b>(8.607.796.033)</b>	<b>536.018.106.131</b>
<b>Kết quả kinh doanh của bộ phận</b>	<b>61.655.288.231</b>	<b>615.317.962</b>	<b>7.966.588.311</b>	<b>-</b>	<b>70.237.194.504</b>
<b>Chi phí phân bổ</b>	<b>(37.867.683.377)</b>	<b>(495.883.661)</b>	<b>(3.523.858.062)</b>	<b>-</b>	<b>(41.887.425.100)</b>
<b>Kết quả từ các hoạt động kinh doanh</b>					<b>28.349.769.404</b>
Doanh thu tài chính					17.310.787.926
Chi phí tài chính					(19.488.923.511)
Thu nhập khác					941.237.199
Chi phí khác					(573.838.092)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(7.899.946.515)
Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					1.194.113.848
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN</b>					<b>19.833.200.259</b>

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022**

	<b>Vận tải VND</b>	<b>Thương mại VND</b>	<b>Các hoạt động khác VND</b>	<b>Loại trừ VND</b>	<b>Hợp nhất VND</b>
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	456.733.091.877	47.075.537.751	15.583.992.845	-	519.392.622.473
Doanh thu giữa các bộ phận	-	11.776.000.000	4.500.341.810	(16.276.341.810)	-
<b>Tổng doanh thu của bộ phận</b>	<b>456.733.091.877</b>	<b>58.851.537.751</b>	<b>20.084.334.655</b>	<b>(16.276.341.810)</b>	<b>519.392.622.473</b>
<b>Kết quả kinh doanh của bộ phận</b>	<b>39.706.516.098</b>	<b>1.524.020.098</b>	<b>6.103.242.200</b>	<b>-</b>	<b>47.333.778.396</b>
<b>Chi phí phân bổ</b>	<b>(30.520.405.292)</b>	<b>(969.118.172)</b>	<b>(3.395.249.725)</b>	<b>-</b>	<b>(34.884.773.189)</b>
<b>Kết quả từ các hoạt động kinh doanh</b>					<b>12.449.005.207</b>
Doanh thu tài chính					9.450.744.928
Chi phí tài chính					(16.384.615.545)
Thu nhập khác					4.500.637.115
Chi phí khác					(2.859.891.741)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					(2.649.129.156)
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại					(81.240.000)
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN</b>					<b>4.425.510.808</b>



**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

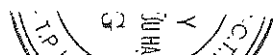
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023**

	<b>Vận tải VND</b>	<b>Thương mại VND</b>	<b>Các hoạt động khác VND</b>	<b>Hợp nhất VND</b>
Tài sản của bộ phận	704.225.497.117	7.598.348.299	38.425.910.465	750.249.755.881
Tài sản không phân bổ				869.737.081.290
<b>Tổng tài sản</b>				<b>1.619.986.837.171</b>
Nợ phải trả của bộ phận	437.422.938.600	10.764.796.687	29.172.442.993	477.360.178.280
Các khoản nợ không phân bổ				54.126.344.419
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>531.486.522.699</b>

**Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023**

	<b>Vận tải VND</b>	<b>Thương mại VND</b>	<b>Các hoạt động khác VND</b>	<b>Hợp nhất VND</b>
Tài sản của bộ phận	844.267.609.206	7.557.295.299	39.956.143.026	891.781.047.531
Tài sản không phân bổ				800.685.165.173
<b>Tổng tài sản</b>				<b>1.692.466.212.704</b>
Nợ phải trả của bộ phận	462.538.762.955	11.709.647.111	32.565.712.198	506.814.122.264
Các khoản nợ không phân bổ				34.454.142.730
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>541.268.264.994</b>



**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023**

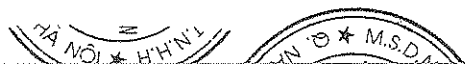
	<b>Vận tải VND</b>	<b>Thương mại VND</b>	<b>Các hoạt động khác VND</b>	<b>Hợp nhất VND</b>
Chi tiêu vốn	1.930.900.000	-	-	1.930.900.000
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	131.493.497.951	-	-	131.493.497.951
Khấu hao tài sản cố định vô hình	306.502.246	-	-	306.502.246

**Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022**

	<b>Vận tải VND</b>	<b>Thương mại VND</b>	<b>Các hoạt động khác VND</b>	<b>Hợp nhất VND</b>
Chi tiêu vốn	192.697.769.017	-	-	192.697.769.017
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	126.476.606.710	-	-	126.476.606.710
Khấu hao tài sản cố định vô hình	306.502.246	-	-	306.502.246

**(c) Bộ phận chia theo vùng địa lý**

Công ty và các công ty con hoạt động tại miền Nam và miền Trung Việt Nam. Hoạt động kinh doanh tại miền Trung là không trọng yếu đối với Công ty và các công ty con.



**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**9. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	1.139.981.249	918.074.312
Tiền gửi ngân hàng	57.093.393.476	40.077.946.100
Các khoản tương đương tiền (*)	570.000.000.000	490.000.000.000
	<b>628.233.374.725</b>	<b>530.996.020.412</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng và hưởng lãi suất trong khoảng từ 4,3%/năm đến 6,0%/năm (1/1/2023: từ 4,5%/năm đến 6,0%/năm).

**10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<b>30/6/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Bên liên quan</b>		
<i>Công ty mẹ cấp cao nhất</i>		
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	22.666.385.205	16.423.693.059
<i>Công ty mẹ</i>		
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex	39.001.512.708	69.236.619.196
<i>Các công ty liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam</i>		
Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP	2.108.590.518	-
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex	874.299.380	1.340.250.536
Công ty Xăng dầu Khu vực 2 – TNHH MTV	115.017.024	122.618.708
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng	415.630.800	589.350.110
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vipco	-	104.974.920
Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore	-	58.224.960
	<b>65.181.435.635</b>	<b>87.875.731.489</b>
<i>Các bên khác</i>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu	-	2.024.324.997
Các khách hàng khác	3.550.230.753	2.168.211.710
	<b>3.550.230.753</b>	<b>4.192.536.707</b>
	<b>68.731.666.388</b>	<b>92.068.268.196</b>

Khoản phải thu từ các bên liên quan không có tài sản bảo đảm, không hưởng lãi và được hoàn trả khi có yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**11. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<b>30/6/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trả trước hợp đồng hệ thống xử lý nước dẫn tàu	2.155.986.360	-
Trả trước hợp đồng sửa chữa tàu	2.051.861.176	-
Trả trước khác	841.543.311	719.368.226
	<hr/>	<hr/>
	5.049.390.847	719.368.226
	<hr/>	<hr/>

**12. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi hệ các công ty liên quan	11.709.726.888	10.486.178.885
▪ Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex – công ty mẹ	3.957.220.701	4.962.282.687
▪ Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex	3.980.784.181	3.170.610.743
▪ Công ty Bảo hiểm PJICO Sài Gòn	2.233.628.297	-
▪ Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng	1.459.321.197	1.574.045.022
▪ Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vipco	78.772.512	396.035.812
▪ Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore	-	383.204.621
Chi hệ các bên khác	4.456.745.206	4.032.131.523
Tạm ứng cho người lao động	2.045.441.800	2.147.579.366
Các khoản phải thu khác	2.532.306.407	3.142.240.611
	<hr/>	<hr/>
	20.744.220.301	19.808.130.385
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu từ các bên liên quan không có tài sản bảo đảm, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**13. Hàng tồn kho**

	Giá gốc	
	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Nguyên vật liệu	91.331.045.710	100.410.623.829
Công cụ và dụng cụ	831.197.983	770.595.817
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	299.315.198
	<hr/>	<hr/>
	92.162.243.693	101.480.534.844
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

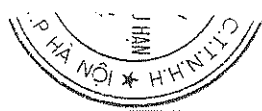
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**14. Tài sản cố định hữu hình**

	<b>Nhà cửa và vật kiến trúc VND</b>	<b>Máy móc và thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VND</b>	<b>Thiết bị văn phòng VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu kỳ	106.179.491.913	491.464.601	4.162.934.652.785	433.782.102	4.270.039.391.401
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	1.930.900.000	-	1.930.900.000
Thanh lý	-	-	(436.786.727)	-	(436.786.727)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>106.179.491.913</b>	<b>491.464.601</b>	<b>4.164.428.766.058</b>	<b>433.782.102</b>	<b>4.271.533.504.674</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	10.829.536.129	491.464.601	3.369.369.238.189	433.782.102	3.381.124.021.021
Khấu hao trong kỳ	1.448.594.292	-	130.044.903.659	-	131.493.497.951
Thanh lý	-	-	(436.786.727)	-	(436.786.727)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>12.278.130.421</b>	<b>491.464.601</b>	<b>3.498.977.355.121</b>	<b>433.782.102</b>	<b>3.512.180.732.245</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu kỳ	95.349.955.784	-	793.565.414.596	-	888.915.370.380
Số dư cuối kỳ	93.901.361.492	-	665.451.410.937	-	759.352.772.429

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 587.639 triệu VND (1/1/2023: 644.557 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty và các công ty con (Thuyết minh 21(b)).

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 có các tài sản có nguyên giá 817.135 triệu VND (1/1/2023: 815.572 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.



**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**15. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	28.250.980.211
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu kỳ	5.517.040.454
Khấu hao trong kỳ	306.502.246
Số dư cuối kỳ	5.823.542.700
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu kỳ	22.733.939.757
Số dư cuối kỳ	22.427.437.511



**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**16. Đầu tư tài chính dài hạn**

**Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	30/6/2023						1/1/2023					
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
▪ Công ty Cổ phần An Phú	625.000	0,51%	0,51%	53.500.000.000	(47.028.697.301)	(*)	625.000	0,51%	0,51%	53.500.000.000	(47.058.128.060)	(*)
▪ Công ty Cổ phần Kho cảng Xăng dầu Hàng không Miền Nam	600.000	2,02%	2,02%	6.000.000.000	(6.000.000.000)	(*)	600.000	2,02%	2,02%	6.000.000.000	-	(*)
▪ Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Mỹ Giang	500.000	17,86%	17,86%	5.000.000.000	-	(*)	500.000	17,86%	17,86%	5.000.000.000	-	(*)
				<u>64.500.000.000</u>	<u>(53.028.697.301)</u>					<u>64.500.000.000</u>	<u>(47.058.128.060)</u>	

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư.

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động của dự phòng đầu tư góp vốn vào đơn vị khác trong kỳ như sau:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2023</b>	<b>30/6/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	47.058.128.060	46.859.953.060
Dự phòng lập trong kỳ	6.000.000.000	-
Dự phòng hoàn lại trong kỳ	(29.430.759)	(406.200.000)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	53.028.697.301	46.453.753.060

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**17. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
<b>Bên liên quan</b>		
<i>Công ty mẹ</i>		
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex – công ty mẹ	65.177.113	16.000.000
<i>Các công ty liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam</i>		
Công ty Xăng dầu Khu vực 2 – TNHH MTV	10.748.597.823	8.433.365.959
Công ty Xăng dầu Bà Rịa Vũng Tàu	6.069.621.169	7.108.867.677
Công ty TNHH MTV Đóng tàu và Thương mại Petrolimex	2.164.271.897	-
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Tây Nam Bộ	1.821.613.952	3.857.298.069
Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP	954.656.309	1.311.906.080
Công ty TNHH MTV VIPCO Hạ Long	751.359.776	1.230.229.220
Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore	64.842.984	1.889.422.038
Công ty Xăng dầu Bình Định	38.334.098	-
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Đồng Nai	-	2.253.126.007
Công ty Xăng dầu B12	-	1.828.673.000
Cảng dầu B12	-	53.984.700
	<b>22.678.475.121</b>	<b>27.982.872.750</b>
<i>Các bên khác</i>		
Công ty TNHH MTV Đóng tàu và Công nghiệp		
Hàng hải Sài Gòn	2.976.439.282	-
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại và		
Sửa chữa Tàu biển Việt Điền	278.701.500	981.442.980
Đăng kiểm ABS	-	1.184.979.144
Các nhà cung cấp khác	5.631.952.372	5.484.427.439
	<b>8.887.093.154</b>	<b>7.650.849.563</b>
	<b>31.565.568.275</b>	<b>35.633.722.313</b>

Khoản phải trả cho các bên liên quan không có tài sản bảo đảm, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**18. Thuế phải nộp Nhà nước**

	1/1/2023 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	30/6/2023 VND
Thuế giá trị gia tăng (*)	3.427.902.753	18.071.451.743	(12.147.283.163)	9.352.071.333
Thuế nhập khẩu	-	893.455.848	(893.455.848)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.081.870.733	7.899.946.515	(5.889.236.604)	7.092.580.644
Thuế thu nhập cá nhân	1.755.476.123	2.936.661.001	(4.347.745.069)	344.392.055
Các loại thuế khác	11.528.682	1.574.772.438	(168.363.478)	1.417.937.642
	10.276.778.291	31.376.287.545	(23.446.084.162)	18.206.981.674

(\*) Số thuế giá trị gia tăng phát sinh trong năm trình bày như trên thể hiện số liệu sau khi đã đối trừ với thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ trong năm.

**19. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Phúc lợi cho nhân viên	2.425.500.000	-
Chi phí lãi vay	1.324.565.273	1.571.171.547
Cảng phí	861.712.500	274.275.540
Chi phí bảo dưỡng và sửa chữa thường xuyên	534.497.750	393.177.755
Các khoản khác	974.896.689	1.816.930.512
	6.121.172.212	4.055.555.354

**20. Phải trả ngắn hạn khác**

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Chi hộ cảng phí	11.442.969.920	13.618.524.401
Kinh phí công đoàn	2.210.338.129	3.137.897.364
Chi phí trả hộ về thuê thuyền viên Công ty TNHH MTV Thuyền viên VIPCO (bên liên quan)	1.659.268.954	1.658.751.584
Cổ tức phải trả	1.505.615.960	1.321.523.960
Phải trả về hoạt động nhập khẩu	3.333.662.887	1.185.167.008
Các khoản phải trả khác	12.627.631.087	13.542.387.620
	32.779.486.937	34.464.251.937

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**21. Vay**

**(a) Vay ngắn hạn**

	<b>Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ</b>		<b>Biến động trong kỳ</b>		<b>Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ</b>
	<b>1/1/2023 VND</b>	<b>Tăng VND</b>	<b>Trả nợ vay VND</b>	<b>Chênh lệch quy đổi tỷ giá VND</b>	<b>30/6/2023 VND</b>
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 21(b))	80.874.148.000	36.195.914.000	(44.390.252.763)	(294.096.612)	72.385.712.625

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Vay dài hạn**

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>Lãi suất năm</b>	<b>Năm đáo hạn</b>	<b>30/6/2023 VND</b>	<b>1/1/2023 VND</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đô Thành	VND	9,5% - 9,7%	2026	100.917.589.500	116.443.372.500
Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN – Chi nhánh Hồ Chí Minh	VND	7,3% - 9,7%	2032	110.790.000.000	116.930.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội	USD	6,0%	2027	64.305.527.344	72.894.937.500
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex – bên liên quan	USD	4,5%	2027	47.624.024.000	53.588.304.000
Ngân hàng TMCP Quân đội	USD	4,0%	2023	-	8.482.320.000
				<hr/>	<hr/>
				323.637.140.844	368.338.934.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(72.385.712.625)	(80.874.148.000)
				<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				251.251.428.219	287.464.786.000

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, các khoản vay từ ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình của Công ty và các công ty con có giá trị còn lại là 587.639 triệu VND (1/1/2023: 644.557 triệu VND) (Thuyết minh 14).

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**22. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

	<b>30/6/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Dự phòng sửa chữa lớn	62.558.065.041	33.472.650.000

Biến động của dự phòng sửa chữa lớn trong kỳ như sau:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2023</b>	<b>30/6/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	33.472.650.000	54.987.339.280
Dự phòng lập trong kỳ	50.264.850.000	30.690.120.153
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(21.179.434.959)	(56.576.259.558)
Số dư cuối kỳ	62.558.065.041	29.101.199.875

**23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty và các công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2023</b>	<b>30/6/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	12.837.483.691	10.662.370.643
Trích lập trong kỳ	18.637.500.697	17.842.298.048
Sử dụng quỹ	(5.399.905.000)	(6.171.175.000)
Số dư cuối kỳ	26.075.079.388	22.333.493.691



**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**24. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn cổ phần VND</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần VND</b>	<b>Cổ phiếu quỹ VND</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển VND</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022</b>	798.666.660.000	(160.015.910)	(11.635.553.757)	213.491.855.223	147.303.765.762	1.147.666.711.318
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	4.425.510.808	4.425.510.808
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(17.842.298.048)	(17.842.298.048)
Cổ tức	-	-	-	-	(63.893.332.800)	(63.893.332.800)
Phát hành lại cổ phiếu quỹ	-	283.272.976	11.635.553.757	-	-	11.918.826.733
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2022</b>	<b>798.666.660.000</b>	<b>123.257.066</b>	<b>-</b>	<b>213.491.855.223</b>	<b>69.993.645.722</b>	<b>1.082.275.418.011</b>
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023</b>	<b>798.666.660.000</b>	<b>123.257.066</b>	<b>-</b>	<b>213.491.855.223</b>	<b>138.916.175.421</b>	<b>1.151.197.947.710</b>
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	19.833.200.259	19.833.200.259
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(18.637.500.697)	(18.637.500.697)
Cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-	-	-	(63.893.332.800)	(63.893.332.800)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2023</b>	<b>798.666.660.000</b>	<b>123.257.066</b>	<b>-</b>	<b>213.491.855.223</b>	<b>76.218.542.183</b>	<b>1.088.500.314.472</b>

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

## **25. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành được trình bày theo mệnh giá của Công ty là:

	<b>30/6/2023</b>		<b>1/1/2023</b>	
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	79.866.666	798.666.660.000	79.866.666	798.666.660.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	79.866.666	798.666.660.000	79.866.666	798.666.660.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	79.866.666	798.666.660.000	79.866.666	798.666.660.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

## **26. Cổ tức**

Đại hội đồng Cổ đông của Công ty vào ngày 20 tháng 4 năm 2023 đã quyết định chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2022 với số tiền là 63.893 triệu VND, tương đương 800 VND trên mỗi cổ phiếu cho năm 2022 (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022: chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2021 với số tiền là 63.893 triệu VND, tương đương 800 VND trên mỗi cổ phiếu cho năm 2021).

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**27. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Trong vòng một năm	17.160.000	34.320.000

**(b) Ngoại tệ**

	30/6/2023		1/1/2023	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	297.485	6.965.582.990	273.346	6.406.128.547

**28. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Lãi tiền gửi	16.446.629.853	7.874.385.455
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	845.847.012	1.076.359.473
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	18.311.061	-
Cổ tức được chia	-	500.000.000
	<u>17.310.787.926</u>	<u>9.450.744.928</u>

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**29. Chi phí tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Chi phí lãi vay	13.242.219.990	12.445.180.380
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	275.323.707	1.063.518.393
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	3.280.864.560
Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty khác	5.970.569.241	(406.200.000)
Chi phí tài chính khác	810.573	1.252.212
	<u>19.488.923.511</u>	<u>16.384.615.545</u>

**30. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	21.904.576.623	15.325.293.055
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.791.257.356	5.224.584.587
Chi phí khấu hao	2.441.592.543	2.690.777.283
Chi phí vật liệu quản lý	380.150.804	402.471.585
Chi phí đồ dùng văn phòng	200.977.340	121.740.133
Chi phí khác	11.699.876.528	10.218.581.838
	<u>41.418.431.194</u>	<u>33.983.448.481</u>

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**31. Thu nhập khác**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Bảo hiểm bồi thường sự cố	401.800.000	4.227.732.294
Lãi do thanh lý tài sản cố định	199.727.273	-
Các khoản khác	339.709.926	272.904.821
	<hr/>	<hr/>
	941.237.199	4.500.637.115

**32. Chi phí khác**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Khắc phục sự cố tàu	419.610.000	2.548.661.152
Các khoản khác	154.228.092	311.230.589
	<hr/>	<hr/>
	573.838.092	2.859.891.741

**33. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	135.142.628.922	146.021.042.431
Chi phí nhân viên	82.361.702.321	72.474.117.611
Chi phí khấu hao	131.800.000.197	126.783.108.956
Chi phí dịch vụ mua ngoài	68.947.272.720	56.013.633.756
Chi phí khác	81.397.691.589	63.482.579.259
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**34. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>		
Kỳ hiện hành	7.886.636.582	2.584.223.156
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	13.309.933	64.906.000
	<hr/>	<hr/>
	7.899.946.515	2.649.129.156
	<hr/>	<hr/>
<b>(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(1.194.113.848)	81.240.000
	<hr/>	<hr/>
Chi phí thuế thu nhập	6.705.832.667	2.730.369.156
	<hr/>	<hr/>

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	26.539.032.926	7.155.879.964
	<hr/>	<hr/>
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	5.307.806.585	1.431.175.993
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.379.164.277	1.334.287.163
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	13.309.933	64.906.000
Chênh lệch tạm thời không được ghi nhận	5.551.872	-
Ảnh hưởng của thu nhập không chịu thuế	-	(100.000.000)
	<hr/>	<hr/>
	6.705.832.667	2.730.369.156
	<hr/>	<hr/>

**(c) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023, tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn vào Công ty Cổ phần An Phú và Công ty Cổ phần Kho cảng Xăng dầu Hàng không Miền Nam.

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(d) Thuế suất áp dụng**

Theo các quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

**35. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi ước tính cho kỳ kế toán báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm, chi tiết như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
Lợi nhuận thuần hợp nhất trong kỳ (VND)	19.833.200.259	4.425.510.808
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính (VND) (*)	(5.039.552.265)	-
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	14.793.647.994	4.425.510.808
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành kỳ trước mang sang (số cổ phiếu)	79.866.666	78.866.666
Ảnh hưởng của việc phát hành lại cổ phiếu quỹ (số cổ phiếu)	-	928.177
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ (số cổ phiếu)	79.866.666	79.794.843
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	185	55

(\*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty ước tính số lợi nhuận cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi dựa trên tỷ lệ số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi trên lợi nhuận thuần của năm liền kề nhân với lợi nhuận thuần trong kỳ.



**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**36. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ, Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
<b>Công ty mẹ cấp cao nhất</b>		
<b>Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam</b>		
Cung cấp dịch vụ	315.995.207.568	297.500.146.364
<b>Công ty mẹ</b>		
<b>Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex</b>		
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	206.756.481.676	207.213.645.056
Mua hàng hóa và dịch vụ	16.000.000	4.062.184.507
Chia cổ tức	33.172.173.600	33.172.173.600
<b>Các công ty liên quan khác</b>		
<b>Công ty TNHH MTV Xăng dầu Tây Nam Bộ</b>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	19.211.936.245	20.996.154.479
<b>Công ty Xăng dầu Đồng Nai</b>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	5.842.525.670	27.070.990.734
<b>Công ty Bảo hiểm PJICO Sài Gòn</b>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	13.445.487.334	12.030.929.053
<b>Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore</b>		
Cung cấp dịch vụ	-	85.182.870
Mua hàng hóa và dịch vụ	27.147.760.100	35.300.231.293
<b>Công ty TNHH MTV Xăng dầu Bà Rịa Vũng Tàu</b>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	36.337.321.631	36.097.334.501
<b>Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng</b>		
Cung cấp dịch vụ	933.067.635	835.360.908
<b>Công ty TNHH MTV Đóng tàu và Thương mại Petrolimex</b>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	2.049.472.806	1.944.180.534

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b> <b>30/6/2023</b>	<b>30/6/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP</b> Mua hàng hóa và dịch vụ	8.786.056.360	8.332.767.105
<b>Công ty Xăng dầu Khu vực 2 – TNHH MTV</b> Cung cấp dịch vụ	1.051.492.611	1.717.223.894
Mua hàng hóa và dịch vụ	80.987.621.394	220.905.256.121
<b>Công ty Xăng dầu Nghệ An</b> Mua hàng hóa và dịch vụ	12.121.236.677	13.658.307.669
<b>Công ty Xăng dầu Khu vực 5</b> Mua hàng hóa và dịch vụ	568.619.880	621.990.500
<b>Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy</b> <b>Petrolimex</b> Cung cấp dịch vụ	4.621.765.514	4.866.074.065
<b>Công ty Xăng dầu Bình Định</b> Mua hàng hóa và dịch vụ	349.472.170	234.554.500
<b>Công ty Xăng dầu B12</b> Bán hàng	4.964.400	6.673.275
Mua hàng hóa và dịch vụ	7.667.165.030	30.504.983.562
<b>Công ty Bảo hiểm PJICO Hải Phòng</b> Mua hàng hóa và dịch vụ	881.087.069	850.315.273
<b>Công ty Bảo hiểm PJICO Đà Nẵng</b> Mua hàng hóa và dịch vụ	49.220.538	49.520.863
<b>Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO</b> Bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	278.153.000
<b>Công ty TNHH MTV VIPCO Hạ Long</b> Mua hàng hóa và dịch vụ	1.638.650.537	2.272.324.873
<b>Tổng kho Xăng dầu Nhà Bè</b> Mua hàng hóa và dịch vụ	-	198.112.379
<b>Công ty Xăng dầu Phú Khánh</b> Mua hàng hóa và dịch vụ	62.227.750	179.938.750

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>		
	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b> <b>30/6/2023</b> <b>VND</b>	<b>30/6/2022</b> <b>VND</b>	
<b>Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP</b>			
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.108.590.518	-	
<b>Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex</b>			
Thanh toán khoản vay	5.954.256.000	5.743.752.000	
<b>Thành viên Ban Giám đốc</b>			
<b>Tiền lương và thưởng</b>			
Ông Nguyễn Quang Cường	Tổng Giám đốc	307.800.000	309.000.000
Bà Phạm Lý Trang Khanh	Phó Tổng Giám đốc	247.800.000	249.000.000
Ông Nguyễn Quang Chiến	Phó Tổng Giám đốc	247.800.000	249.000.000
Ông Bùi Hồng Dũng	Phó Tổng Giám đốc	300.000.000	300.000.000
Ông Đỗ Quang Minh	Phó Tổng Giám đốc	247.800.000	249.000.000
Bà Văn Thị Hồng Phượng	Phó Tổng Giám đốc	247.800.000	249.000.000
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát</b>			
<b>Tiền lương, thưởng và thù lao</b>			
Ông La Văn Út	Chủ tịch	367.800.000	369.000.000
Ông Trương Văn Minh	Ủy viên	48.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Quang Cường	Ủy viên	48.000.000	48.000.000
Bà Phạm Lý Trang Khanh	Ủy viên	48.000.000	48.000.000
Ông Bùi Hồng Dũng	Ủy viên	48.000.000	48.000.000
Ông Lê Minh Ngọc	Ủy viên	48.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Chí Nam	Ủy viên	48.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Thanh Tuyên	Trưởng Ban Kiểm soát	73.800.000	-
	<i>(từ ngày 20 tháng 4 năm 2023)</i>		
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Trưởng Ban Kiểm soát	167.800.000	249.000.000
	<i>(đến ngày 20 tháng 4 năm 2023)</i>		
Bà Nguyễn Thị Thu	Thành viên Ban Kiểm soát	12.600.000	-
	<i>(từ ngày 20 tháng 4 năm 2023)</i>		
Bà Phạm Thúy Hà	Thành viên Ban Kiểm soát	21.000.000	33.600.000
	<i>(đến ngày 20 tháng 4 năm 2023)</i>		
Ông Phạm Văn Trung	Thành viên Ban Kiểm soát	33.600.000	33.600.000

(\*) Các khoản tiền lương và thưởng của ông Bùi Hồng Dũng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 và kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 được chi trả bởi Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn, là công ty con của Công ty.

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**37. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và các thuyết minh liên quan tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 được mang sang từ số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh liên quan được mang sang từ số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Ngày 28 tháng 8 năm 2023

Người lập:

Phan Nhân Tri  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Nguyễn Trọng Nghĩa  
Kế toán trưởng

Nguyễn Quang Cường  
Tổng Giám đốc

